TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **11/2019/HNGĐ-ST**
Ngày 03/7/2019
"V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM SƠN, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Bính và Ông Ngô Gia Khánh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Thu Hà, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:*** Ông Ninh Trọng Khánh, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 07 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 53/2019/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 04 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Đ, sinh năm 1978; ĐKHKTT và cư trú tại: xóm 6, xã Kim Chính, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình; (có mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1975; ĐKHKTT: xóm 6, xã Kim Chính, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình; (vắng mặt lần thứ 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Phạm Thị Đ trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cho rằng: Chị và anh Nguyễn Văn H là người cùng xóm, kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND xã KC, huyện K năm 1997. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình nhà chồng. Vợ chồng đã có thời gian chung sống hòa thuận sau đó phát sinh mâu thuẫn, vì mâu thuẫn nên chị và anh H đã sống ly thân từ giữa năm 2011.

Theo chị Đ thì nguyên nhân mâu thuẫn là anh H sa vào rượu chè không quan tâm vợ con, không chịu khó làm ăn, khi chị góp ý thì kiếm cớ đánh đập ngược đãi chị. Do mâu thuẫn kéo dài nhiều năm mặc dù hai bên gia đình động viên khuyên giải nhưng không được khắc phục nên chị và anh H đã ly thân từ 2011, trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị M, sinh ngày 10/09/1998 và Nguyễn Thị M1, sinh ngày 29/03/2000. Khi ly hôn, do các con chung đã thanh niên tự lập nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản: Chị xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H: Mặc dù có mặt tại địa phương, đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và giao các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp cùng các văn bản tố tụng tiếp theo nhưng anh Hiệp không có mặt tại Tòa án để tham gia các giai đoạn tố tụng thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình Trong biên bản sự việc ngày 22/04/2019 anh có trình bày: anh xác định vợ chồng đã sống ly thân 07 năm, không còn tình cảm gì với nhau nhưng anh không đồng ý ly hôn. Việc chị Đ yêu cầu giải quyết ly hôn là quyền của chị Đ; Về tài sản không có gì, con chung đã khôn lớn nên anh không có yêu cầu gì; Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật vắng mặt anh và không phải hòa giải.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K: Nguyên đơn, và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14: Xử ly hôn giữa chị Phạm Thị Đ và anh Nguyễn Văn H; chị Đ phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị Đ khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với anh Nguyễn Văn H, cư trú tại xóm 6, xã KC, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 28 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K. Bị đơn anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết

định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật nhưng đã vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Đ và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 1997 tại UBND xã KC, huyện K, tỉnh Ninh Bình là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ; sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận một thời gian thì mới phát sinh mâu thuẫn.

Về phía chị Đ cho rằng vợ chồng không thể chung sống cùng nhau được là do anh H sa vào rượu chè không quan tâm vợ con, không chịu khó làm ăn, khi chị góp ý thì kiếm cớ đánh đập ngược đãi chị. Mâu thuẫn kéo dài nhiều năm mặc dù hai bên gia đình động viên khuyên giải nhưng không được khắc phục nên chị và anh H đã ly thân từ 2011, trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Về phía anh H không nêu nguyên nhân mâu thuẫn nhưng anh xác định vợ chồng đã ly thân 07 năm nay không còn tình cảm gì với nhau.

Xác minh tình trạng hôn nhân của chị Đ và anh H tại UBND xã K là nơi anh chị cư trú; thì chính quyền địa phương xác nhận chị Đ và anh H có xảy ra mâu thuẫn nên đã sống ly thân 07 năm nay , nguyên nhân mâu thuẫn không nắm được vì chính quyền địa phương chưa phải hòa giải do hai bên không đề nghị và không có báo cáo của cơ sở .

Như vậy, chị Đ xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H sa vào rượu chè đánh đập ngược đãi chị , phía anh H không phản đối lý do nguyên nhân dẫn đến việc vợ chồng phải ly hôn do chị Đ đưa ra; cả hai bên đều xác định đã sống ly thân khoảng 07 năm nay và không còn tình cảm gì với nhau nữa. Thực tế anh H biết việc chị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh; nhưng anh không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình; không có biện pháp nào khắc phục mâu thuẫn không tìm cách hàn gắn, hòa giải nhằm duy trì hôn nhân, có ý bỏ mặc không quan tâm đến cuộc sống chung.

Từ những căn cứ đó đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị Đ, anh H hiện nay đã trầm trọng, mâu thuẫn không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu của chị Đ giải quyết ly hôn anh H là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung : Chị Phạm Thị Đ và anh Nguyễn Văn H có hai con chung là Nguyễn Thị M, sinh ngày 10/09/1998 và Nguyễn Thị M, sinh ngày 29/03/2000. Khi ly hôn, do các con chung đã thanh niên tự lập nên chị không yêu cầu giải quyết.

[4] Về quan hệ tài sản: Chị Phạm Thị Đ và anh Nguyễn Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDSS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 buộc chị Đ phải nộp toàn bộ án phí ly hôn

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử ly hôn giữa chị Phạm Thị Đ và anh Nguyễn Văn H.

2/ Về án phí: Chị Phạm Thị Đ phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA2997 ngày 02/04/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND Huyện K;
- Chi cục THADS Huyện K;
- Công an Huyện K;
- UBND xã KC;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thế Anh